

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Anh;
- Ông Võ Văn Tánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1958, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: **tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**. Số căn cước công dân: 051058002059, cấp ngày 28/6/2021; nơi cấp: Cục trưởng **Cục Q1** về trật tự xã hội- **Bộ C1**

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Con ông: **Phạm Lộc** (đã chết); Con bà: Con bà: **Nguyễn Thị L** (đã chết); Vợ: **Lê Thị X**, sinh năm 1964; Con: có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1988); tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 11/01/2022, bị **Công an thị trấn M** ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong). Ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M** khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với **Phạm Văn T** về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Lê Thị B, sinh năm 1968. Nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào thời gian đầu tháng 11/2023, bị cáo Phạm Văn T nhận thấy nhiều người ở khu vực bị cáo T sinh sống có nhu cầu chơi số đề nên lúc này bị cáo T nảy sinh ý định ghi số đề (bán số đề) cho người chơi số đề để có thêm tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã mua một tập vở học sinh, trên bìa có ghi dòng chữ “NGHE XUONG BOOK”, một cây bút bi màu xanh, một máy tính hiệu CASIO dùng để ghi số lô đề cho khách chơi và tính toán số tiền thắng thua. Sau đó, bị cáo T sử dụng bút bi, tập vở học sinh bắt đầu thực hiện việc ghi số đề cho người chơi số đề tại nhà mình ở tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi từ tháng 11/2023 cho đến ngày 16/12/2023 thì bị bắt quả tang.

Người chơi số đề trực tiếp đến nhà của bị cáo Phạm Văn T để mua số đề thì bị cáo T ghi số mà người chơi số đề mua vào tịch đề là tờ giấy trong tập vở học sinh, đồng thời bị cáo T xé tờ giấy khác trong tập vở học sinh để ghi số mà người chơi số đề mua rồi đưa cho người chơi số đề giữ để đối chiếu chung chi thắng thua sau này. Bị cáo T lấy đơn vị tính là nghìn đồng ghi vào tịch đề để thể hiện số tiền mà người chơi số đề mua. Bị cáo T nhận tiền mua số đề đầy đủ của người chơi số đề, bị cáo T không nhận ghi số đề (bán số đề) qua điện thoại. Bản thân bị cáo T trực tiếp nhận mua số lô đề từ khách đến mua rồi trực tiếp chung chi cho khách nếu khách trúng số lô đề. Bị cáo T không chuyển tịch đề cho người khác, không nhận tịch đề của người khác chuyển.

Trong thời gian bị cáo T ghi số đề (bán số đề) cho người chơi số đề thì bị cáo T lấy kết quả xổ số kiến thiết mở thưởng vào khoảng 17 giờ 15 phút mỗi ngày của các tỉnh miền T để xác định người chơi số đề trúng số hay không trúng số để xác định thắng thua chung chi tiền: thứ 2 lấy kết quả xổ số tỉnh Phú Yên, thứ 3 lấy kết quả xổ số tỉnh Đắk Lắk, thứ 4 lấy kết quả xổ số tỉnh Khánh Hoà, thứ 5 lấy kết quả xổ số tỉnh Quảng Trị, thứ 6 lấy kết quả xổ số tỉnh Gia Lai, thứ 7 lấy kết quả xổ số tỉnh Quảng Ngãi, Chủ nhật lấy kết quả xổ số tỉnh Kon Tum. Ngoài ra, ông T còn lấy kết quả xổ số mở thưởng vào khoảng 18 giờ 15 phút mỗi ngày của miền B để xác định người chơi số đề trúng số hay không trúng số để xác định thắng thua chung chi tiền. Ông T ghi số đề (bán số đề) cho người chơi số đề dưới hình thức ghi đầu, đuôi; ghi bao lô theo kết quả xổ số của các tỉnh miền T1 và miền B cụ thể:

+ Trường hợp người chơi số đề mua số đầu, đuôi có hai chữ số thì bị cáo T ghi số mà người chơi số đề muốn mua ở giữa, số tiền người chơi số đề mua số đầu ở trên, số đuôi ở dưới; nếu người chơi số đề ghi nhiều số có cùng số tiền đầu, đuôi thì bị cáo T ghi một dãy hàng ngang các số đó còn số tiền đầu, đuôi ghi tương ứng ở giữa phía trên và dưới. Căn cứ vào kết quả xổ số của giải tám và hai số cuối giải đặc biệt của các tỉnh miền T1 và kết quả xổ số của giải bảy (04 cặp

số) và hai số cuối giải đặc biệt của **miền B** để xác định người chơi số đề trúng hay không trúng, kết quả của giải tám của **miền T** và giải bảy của **miền B1** gọi là số đầu và kết quả hai số cuối của giải đặc biệt gọi là số đuôi. Khi người chơi số đề trúng số thì được chung gấp 70 lần ở **miền T** và gấp 80 lần ở **miền B** so với số tiền người chơi số đề đã mua, nếu không trúng thì người chơi số đề sẽ mất số tiền đã mua. Đối với người chơi số đề mua số đầu, đuôi thì ông **T** khuyến mãi cho khách chơi nên bị cáo **T** nhận số tiền 75% số tiền đánh với đài **miền T1** và 85% số tiền đánh ở đài **miền B**.

+ Trường hợp người chơi số đề bao lô đối với số có hai chữ số thì bị cáo **T** ghi ký hiệu “Lô” kèm theo hai chữ số mà người chơi đánh rồi ký hiệu → rồi ghi số tiền người chơi đánh. Bị cáo **T** và người chơi thỏa thuận chơi số đề bao lô như sau: Bao lô hai số là chọn hai số bất kỳ bao toàn bộ 18 hàng lô (từ giải 08 đến giải đặc biệt) của đài xổ số **miền T** (kết quả tùy theo từng ngày); và bao toàn bộ 27 hàng lô (từ giải 07 đến giải đặc biệt) đài xổ số **miền B** đối với đài **M**. Khi có kết quả thì so sánh với 02 số cuối của từng hàng, nếu bất kỳ hàng nào trúng thì thắng gấp 70 lần đối với đài **miền T** và thắng gấp 80 lần đối với đài **miền B**. Bị cáo **T** khuyến mãi cho khách chơi nên đối với đài **miền T**, bị cáo **T** nhận số tiền đánh số lô từ khách chơi tương ứng với 13 hàng lô (*tương ứng với tỷ lệ 18:13*) và đài **miền B** là 22 hàng lô (*tương ứng với tỷ lệ 27:22*).

Sau khi có kết quả xổ số xong thì bị cáo **T** và người chơi số đề xác định thắng thua chung chi tiền với nhau, người chơi số đề thắng đề trực tiếp đến nhà của bị cáo **T** để nhận tiền thắng đề, sau khi chung chi tiền xong thì bị cáo **T** tiến hành đốt tiêu hủy các tịch đề này và tiếp tục ghi số đề (bán số đề) cho ngày tiếp theo nên các tịch đề bị cáo **T** ghi cho người chơi số đề trước ngày 16/12/2023 thì không thu giữ được.

Trong ngày 16/12/2023, khi lực lượng **Công an huyện M** phát hiện, bắt quả tang bị cáo **T** đang ghi số đề (bán số đề) cho người chơi là vào khoảng 17 giờ ngày 16/12/2023 nên chưa có kết quả xổ số của đài xổ số tỉnh Quảng Ngãi, ông **T** và người chơi số đề chưa có kết quả xổ số để xác định thắng thua thì bị Công an huyện phát hiện, bắt quả tang. Do vậy, bị cáo **T** chưa chung chi tiền thắng thua số đề với người chơi số đề theo kết quả xổ số của đài xổ số tỉnh Quảng Ngãi.

Trong tờ giấy ghi tịch đề mà **Công an huyện M** tạm giữ của ông **T** khi bắt quả tang vào ngày 16/12/2023 thể hiện việc bị cáo **T** ghi số đề (bán số đề) cho người chơi số đề trong ngày 16/12/2023. Trên tờ giấy là tịch đề ông **T** ghi số đề (bán số đề) cho người chơi số đề vào ngày 16/12/2023 tức là thứ 7 của **đài xổ số tỉnh Q** cho 09 (chín) người mua số lô đề. Trong số những người mua số đề bị cáo **T** có biết rõ nhân thân lai lịch của một người là bà **Lê Thị B**. Ngoài ra, bị cáo **T** chỉ biết tên của 07 người đến mua số lô đề từ bị cáo **T** nhưng không nắm rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể. Còn lại một người đàn ông đến mua số lô đề tại nhà bị cáo **T** lúc **Công an huyện M** bắt quả tang bị cáo **T** có hành vi đánh bạc thì người đàn ông này đã lợi dụng lúc Công an huyện bắt giữ bị cáo **T** đã chạy thoát, bị cáo **T** không biết rõ nhân thân lai lịch của người này. Đối với những ký hiệu những người chơi đánh bạc và số tiền đánh bạc với bị cáo **Phạm Văn T** có trong tịch đề cụ thể như sau:

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức đầu đuôi tại đài xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Ngãi cho bà **Lê Thị B** gồm: con số 36 đầu với số tiền 360.000đ (ba trăm sáu mươi ngàn đồng), đuôi 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng); các con số 63, 37, 57, 48, 04, 06, 24, 73, 52 mỗi số với số tiền đầu là 30.000đ (ba mươi ngàn đồng) và số đuôi 30.000đ (ba mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và bà **B** là 1.260.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng số tiền bị cáo **T** thực nhận từ bà **B** là 945.000đ (chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Vì bị cáo **T** quen biết bà **B** nên trong tịch đề bị cáo **T** không ký hiệu tên của bà **B** trong tịch đề ngày 16/12/2023.

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức đầu đuôi và bao lô cho một người phụ nữ tên **Q**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tịch đề bị cáo **T** ký hiệu là Q với các con số gồm: con số 28, 51, 82, 15, 10 đầu mỗi con số với số tiền là 12.000đ (mười hai nghìn đồng), đuôi mỗi con số là 12.000đ (mười hai ngàn đồng); con số 28 đầu với số tiền là 6.000đ (sáu ngàn đồng), đuôi là 6.000đ (sáu nghìn đồng); con số 52 đầu với số tiền là 30.000đ (ba mươi ngàn đồng), đuôi là 12.000đ (mười hai nghìn đồng); con số 97, 79, 57, 75 mỗi con đầu với số tiền là 80.000đ (tám mươi nghìn đồng) đuôi mỗi con là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), bao lô con số 62 với số tiền 5.000đ (năm nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi. Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người phụ nữ tên Qua là 784.000đ (bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng) nhưng số tiền bị cáo **T** thực nhận từ người phụ nữ tên **Q** là 585.000đ (năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô cho một người phụ nữ tên **A**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tịch đề bị cáo **T** ký hiệu là A với các con số gồm: con số 11, 04 với mỗi con với số tiền là 5.000đ (năm nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi, nên số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người phụ nữ tên **A** là 180.000đ (một trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người phụ nữ tên **A** số tiền là 130.000đ (một trăm ba mươi nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô cho một người phụ nữ tên **N**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tịch đề bị cáo **T** ký hiệu là N với các con số gồm: con số 89, 98 với mỗi con với số tiền là 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi, nên số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người phụ nữ tên **N** là 1.080.000đ (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người phụ nữ tên **N** số tiền là 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô cho một người phụ nữ tên **T2**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tịch đề bị cáo **T** ký hiệu là T với các con số gồm: con số 28, 51, 82, 51, 10 với mỗi con với số tiền là 5.000đ (năm nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi nên số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người phụ nữ tên **N** là 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người phụ nữ tên **N** số tiền là 325.000đ (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô cho một người phụ nữ tên **T3**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tích đề bị cáo **T** ký hiệu là **T3** với các con số gồm: con số 28 với số tiền là 10.000đ (mười nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi nên số tiền đánh bạc giữa ông **T** và người phụ nữ tên **T3** là 180.000đ (một trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người phụ nữ tên **T3** số tiền là 130.000đ (một trăm ba mươi nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô cho một người phụ nữ tên **Thị X1**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tích đề bị cáo **T** ký hiệu là **TX** với các con số gồm: con số 15, 88 với số tiền là 15.000đ (mười năm nghìn đồng), con 28 với số tiền là 10.000đ (mười nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi nên số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người phụ nữ tên **Thị X1** là 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người phụ nữ tên **Thị X1** số tiền là 520.000đ (năm trăm hai mươi nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô cho một người phụ nữ tên **V**, khoảng 50 tuổi – 60 tuổi. Trong tích đề bị cáo **T** ký hiệu là **V** với các con số gồm: con số 09 với số tiền 5.000đ (năm nghìn đồng), con số 79, 97, 57, 75, 21 với số tiền 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi nên số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người phụ nữ tên **V** là 1.890.000đ (một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người phụ nữ tên **V** số tiền là 1.365.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ **Phạm Văn T** ghi số đề (bán số đề) dưới hình thức bao lô và đầu đuôi cho một người đàn ông mà bị cáo **T** không biết họ tên, nhân thân lai lịch, mặc áo khoác màu đen, dáng người cao khoảng 1,7 mét, độ tuổi khoảng 17 – 18 tuổi, giới thiệu với bị cáo **T** là học sinh **trường Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện M** gồm các con số: con số 28 với số tiền 5.000đ (năm nghìn đồng) bao 18 hàng lô của đài xổ số Quảng Ngãi, con số 21 đầu với số tiền là 80.000đ (tám mươi nghìn đồng), đuôi là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); con số 35, 57, 32 mỗi con số đầu với số tiền là 12.000đ (mười hai nghìn đồng), đuôi mỗi con số là 12.000đ (mười hai nghìn đồng); con số 99, 60, 11 mỗi con đầu với số tiền là 12.000đ (mười hai nghìn đồng) và đuôi mỗi con số là 12.000đ (mười hai nghìn đồng). Như vậy, số tiền đánh bạc giữa bị cáo **T** và người đàn ông này là 364.000đ (ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) nhưng bị cáo **T** chỉ thực nhận từ người này số tiền là 271.000đ (hai trăm bảy mươi một nghìn đồng). Khi bị cáo **T** vừa nhận tiền ghi số đề của người đàn ông này xong thì bị **Công an huyện M** bắt quả tang và tạm giữ những đồ vật, tài liệu có liên quan đến hành vi bán số lô đề của bị cáo **T**. Riêng người đàn ông này lợi dụng lúc **Công an huyện M** bắt giữ bị cáo **T** đã bỏ chạy trốn thoát. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thể xác định được nhân thân lai lịch của người đàn ông này nên không có căn cứ xác minh, truy tìm và xử lý.

Như vậy, trong ngày 16/12/2023, số tiền bị cáo **T** ghi số đề (bán số đề) cho người chơi số đề theo kết quả xổ số của đài xổ số tỉnh Quảng Ngãi là 6.908.000đ (sáu triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng), số tiền bị cáo **T** nhận thực tế của người chơi số đề là 5.051.000đ (năm triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng). Tại

thời điểm Công an huyện M bắt quả tang thì chưa có kết quả xổ số tỉnh Quảng Ngãi nên bị cáo T chưa chung chi cho người chơi thắng đề.

Tại thời điểm bắt quả tang, cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 6.045.000đ (sáu triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng): bị cáo T thừa nhận đây là tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc bao gồm số tiền mà bị cáo T nhận từ người chơi số đề vào ngày 16/12/2023 là 5.051.000đ (năm triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng) và số tiền 994.000đ (chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) của bị cáo T sử dụng với mục đích dùng vào việc chung chi thắng thua cho người chơi số đề trong trường hợp bị cáo T bị thua đề phải chung cho người thắng đề.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Phạm Văn T dùng để đánh bạc là 7.902.000đ (bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng).

Tại Bản kết luận số 1173/KL-KTHS, ngày 20/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: Các chữ số, chữ viết trên tập vở học sinh cần giám định (ký hiệu A) với chữ số, chữ viết trên 03 (ba) “BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯỜNG TRÌNH” ghi tên Phạm Văn T, đề ngày 16/12/2023 (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Văn T đã có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo từng tham gia nhập ngũ từ năm 1976 đến năm 1981. Ngoài ra, cha ruột bị cáo được Bộ cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến. Đây được xem là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKS-MĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức truy tố: Phạm Văn T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) máy tính, trên máy tính có ghi chữ “CASIO” (máy tính đã qua sử dụng)

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 (một) bì niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện M, A (một) chữ ký ghi rõ họ và tên Nguyễn Đình T4 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên Nguyễn Tấn K, 01

(một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn C**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Phạm Văn T**, bên trong bì niêm phong chứa: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, trên thân điện thoại có ghi dòng chữ “Masstel”, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội 6.045.000đ (sáu triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1053629 ngày 26/12/2023 tại **Kho bạc nhà nước M1**

- Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi màu xanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện M**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện M**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà **Lê Thị B** vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt bà **B** không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo **Phạm Văn T** đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Vào ngày 16/12/2023, tại **tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**, bị cáo **Phạm Văn T** thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề cho 09 (chín) người chơi theo kết quả xổ số kiến thiết của tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền được xác định là 7.902.000đ (bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng).

[4] Hành vi trên của bị cáo **Phạm Văn T** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức truy tố bị cáo **Nguyễn Thanh T5** về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Bị cáo **Phạm Văn T6** là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết hành

vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo cần phải xử mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo từng tham gia nhập ngũ từ năm 1976 đến năm 1981. Ngoài ra, cha ruột bị cáo được Bộ cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo làm nông và là người cao tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với 01 (một) máy tính, trên máy tính có ghi chữ “CASIO” (máy tính đã qua sử dụng), đây là công cụ mà bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với điện thoại có ghi dòng chữ “Masstel”, điện thoại đã qua sử dụng. Điện thoại này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội 6.045.000đ (sáu triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1053629 ngày 26/12/2023 tại Kho bạc nhà nước M1.

- Đối với 01 cây bút bi màu xanh, bị cáo dùng để ghi số đề cho các người chơi, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với các đối tượng tham gia và các vấn đề khác trong vụ án:

[8.1] Đối với các tịch đề bị cáo Phạm Văn T ghi cho người chơi số đề trước ngày 16/12/2023 thì bị cáo T đã đốt tiêu hủy hết nên không thu giữ được, bản thân bị cáo T không nhớ đã ghi số đề (bán số đề) cho những ai, bao nhiêu tiền, ghi các con số nào, thắng thua chung chi tiền ra sao, không nhớ rõ trung bình mỗi ngày ghi số đề (bán số đề) khoảng bao nhiêu tiền nên không có căn cứ xử lý.

[8.2] Đối với người mua số đề là Lê Thị B, sinh năm: 1968, thường trú ở tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Thị B bằng hình thức phạt tiền là 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi “Mua các số lô, số đề” quy định tại khoản 1, Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là có căn cứ.

[8.3] Đối với những người mua số đề gồm: người phụ nữ tên: Qua, Á, N, T2, T3, Thị X1, V và người đàn ông đã bỏ chạy trốn thoát khi bắt quả tang bị cáo T thì không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xác minh, truy

tìm là có căn cứ

[9] Về án phí: Bị cáo **Phạm Văn T** là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên được Hội đồng xét xử xét miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, bị cáo là người cao tuổi theo luật người cao tuổi và sống phụ thuộc vào con cái. Nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) máy tính, trên máy tính có ghi chữ “CASIO” (máy tính đã qua sử dụng) được đựng bên trong 01 (một) bì niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu của Cơ quan CSĐT **Công an huyện M, A** (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Đình T4** 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn K**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn C**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Phạm Văn T**.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bút bi màu xanh được đựng trong 01 (một) bì niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu của Cơ quan CSĐT **Công an huyện M, A** (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Đình T4** 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn K**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn C**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Phạm Văn T**.

- Trả lại cho bị cáo **Phạm Văn T** 01 (một) bì niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu của Cơ quan CSĐT **Công an huyện M, A** (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Đình T4** 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn K**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Nguyễn Tấn C**, 01 (một) chữ ký ghi rõ họ và tên **Phạm Văn T**, bên trong bì niêm phong chứa: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, trên thân điện thoại có ghi dòng chữ “Masstel”, điện thoại đã qua sử dụng

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội 6.045.000đ (sáu triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Văn T là người cao tuổi được xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS công an huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Sang

